

HƯỚNG ĐẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LẦN THỨ XIII

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

PHÚ VĂN HÂN*

Mỗi dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, dù đông người hay ít người, dù miền núi hay miền xuôi, ở vùng cao hay vùng thấp đều nhận thấy cái đẹp nhất, cái hay nhất của dân tộc mình từ tư tưởng về dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng cùng chính sách đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đảng và Nhà nước không ngừng phát huy qua các thời kỳ đã đưa đất nước tiến đến độc lập thống nhất và phát triển. Hướng tới Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII, bài viết điểm lại một số nét trong tư tưởng đại đoàn kết các dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm phát huy hơn nữa ý nghĩa của tư tưởng này trong các giai đoạn phát triển sắp tới của đất nước.

Từ khóa: đoàn kết dân tộc, dân tộc ít người, Hồ Chí Minh.

Nhận bài ngày: 16/6/2020; đưa vào biên tập: 15/8/2020; duyệt đăng: 20/8/2020

1. DẪN NHẬP

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, tinh thần đoàn kết đấu tranh của các dân tộc chống lại các âm mưu xâm lược đã trở thành truyền thống của dân tộc Việt Nam. Truyền thống này được Chủ tịch Hồ Chí Minh phát huy trong điều kiện lịch sử mới và thể hiện rõ trong chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người con ưu tú nhất của đại gia đình dân tộc Việt Nam. Với tư tưởng nhất quán về tinh thần đoàn kết các dân tộc, Người là niềm tin, là nguồn hy vọng lớn lao của

các dân tộc trong công cuộc cách mạng giành độc lập và đổi mới của đất nước. Có thể nói, cuộc sống và vận mệnh của các dân tộc Việt Nam ngày nay gắn bó máu thịt với tên tuổi và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC CỦA HỒ CHÍ MINH

Chủ tịch Hồ Chí Minh có quan điểm rõ ràng, trước sau như một về mối quan hệ giữa các dân tộc trên cùng dải đất Việt Nam: “Nước ta là một đất nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Các dân tộc anh em trong nước ta

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

gắn bó ruột thịt với nhau trên một lãnh thổ chung và trải qua một lịch sử lâu đời cùng nhau lao động và đấu tranh để xây dựng Tổ quốc tươi đẹp” (Hồ Chí Minh, tập 9, 2000: 587). Riêng đối với các dân tộc thiểu số, Người từng ghi nhận: “Trong thời kỳ cách mạng và kháng chiến, đồng bào miền núi đã có nhiều công trạng vẻ vang và oanh liệt. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa và xã hội ở miền Bắc và đấu tranh để thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc, đồng bào miền núi đang cố gắng góp phần xứng đáng của mình” (Hồ Chí Minh, tập 10, 2000: 608).

Người luôn đánh giá cao vị trí của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp cách mạng chung của đất nước. Sáng lập Mặt trận Dân tộc thống nhất, Người cho rằng: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau... Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt” (Hồ Chí Minh, tập 4, 2000: 217). Trong các buổi nói chuyện, các hội nghị, trong các tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng, Người luôn nhắc đến sự đoàn kết giữa các dân tộc.

Trong thư gửi đồng bào Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “... Đồng bào ta cần phải: - Đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc, các tầng lớp nhân dân, mọi người thương yêu, giúp đỡ nhau như

ruột thịt. - Đoàn kết chặt chẽ với đồng bào cả nước” (Hồ Chí Minh, tập 8, 2000: 230). Nhân ngày khai giảng Trường Trung học Sư phạm miền núi Trung ương, Bác căn dặn: “Các cháu thuộc nhiều dân tộc và ở nhiều địa phương. Nhưng các cháu đều là con em của đại gia đình chung; là gia đình Việt Nam; đều có một Tổ quốc chung; là Tổ quốc Việt Nam...”. Người nhắc đến nhiệm vụ chung của các dân tộc và nhấn mạnh rằng các dân tộc đều chung trong đại gia đình dân tộc Việt Nam. Các dân tộc anh em chúng ta muốn tiến bộ, muốn phát triển văn hóa của mình thì “chúng ta phải tẩy trừ những thành kiến giữa các dân tộc, phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau như anh em một nhà” (Hồ Chí Minh, tập 7, 2000: 496).

Dưới các chế độ cũ, các dân tộc ít người cùng chịu chung số phận của người nô lệ mất nước, cùng chịu cảnh áp bức bóc lột của đế quốc và phong kiến, bị tiếm nhiễm nọc độc chia rẽ, hằn thù dân tộc. Để làm thất bại những thủ đoạn của đế quốc xâm lược và các lực lượng phản động, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi vấn đề đại đoàn kết dân tộc là quốc sách, đoàn kết dân tộc còn phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Người nhấn mạnh: “Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc. Phải ra sức làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp” (Hồ Chí Minh, tập 10, 2000: 605-606). Người khẳng định: “Nước Việt Nam ta là một, dân tộc Việt Nam ta là một. Dù cho sông cạn đá mòn,

nhân dân Nam Bắc là con một nhà” (Hồ Chí Minh, tập 11, 2000: 10).

Người cũng nhắc nhở: “Phải đoàn kết các dân tộc, phải đoàn kết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt” (Hồ Chí Minh, tập 11, 2000: 135). Trong thư gửi Đại hội Hợp tác xã và đội sản xuất nông nghiệp tiên tiến miền núi và trung du, Người viết: “... Các dân tộc đoàn kết chặt chẽ muôn người như một, thương yêu giúp đỡ nhau. Chú trọng giúp đỡ đồng bào vùng cao và làm tốt công tác an ninh trật tự, củng cố quốc phòng” (Hồ Chí Minh, tập 11, 2000: 244).

Trong bài phát biểu tại Hội nghị Cán bộ Phụ nữ các dân tộc miền núi toàn miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khuyên: “Đoàn kết giữa dân tộc mình, đoàn kết giữa các dân tộc. Đoàn kết với đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế miền núi. Tất cả các dân tộc miền núi và miền xuôi phải đoàn kết như anh em, chị em trong một nhà, cùng nhau ra sức xây dựng miền Bắc giàu mạnh và ủng hộ đồng bào miền Nam ruột thịt đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ Việt gian” (Hồ Chí Minh, tập 11, 2000: 215).

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng mong muốn đồng bào các dân tộc thiểu số đoàn kết giúp đỡ nhau để nhanh chóng đưa miền núi thoát khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ hơn, no ấm hơn. Đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau để phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, theo Người:

“Bây giờ muốn mang lại lợi ích cho đồng bào các dân tộc, thì phải nâng cao đời sống của đồng bào. Muốn nâng cao đời sống của đồng bào, không phải cứ nói mà ra cơm gạo. Cơm gạo không phải trên trời rơi xuống. Muốn có cơm gạo thì phải làm cái gì? Muốn no ấm thì phải làm cái gì? Phải làm thế nào? Phải tăng gia sản xuất” (Hồ Chí Minh, tập 11, 2000: 130-131). Với cán bộ, bộ đội, Người yêu cầu, trong mọi công việc phải ra sức giúp đỡ đồng bào ở rẻo cao. Trong việc vận động định canh, định cư, phải đoàn kết được đồng bào các dân tộc, làm cho đồng bào vùng thấp như Kinh, Tày biết giúp đỡ đồng bào vùng cao tiến kịp đồng bào vùng xuôi. Nhận thấy miền núi là nơi có đồng đồng bào các dân tộc thiểu số, cũng là nơi có vị trí quan trọng về quốc phòng và kinh tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Tục ngữ ta có câu: *Rừng vàng biển bạc*, câu nói đó rất đúng”. Miền núi có tài nguyên phong phú, có nhiều khả năng để mở mang nông nghiệp và công nghiệp. Rõ ràng, miền núi có một địa vị cực kỳ quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng của cả nước ta (Hồ Chí Minh, tập 10, 2000: 608).

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Ngay từ khi Đảng mới được thành lập (1930), trong *Cương lĩnh* Đảng đã vận dụng đúng đắn nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và chỉ rõ: Đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ để giành độc lập, tự do và hạnh

phúc. Người chỉ thị: "...Các cấp bộ Đảng phải thi hành đúng chính sách dân tộc, thực hiện đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc" (Hồ Chí Minh, tập 4, 2000: 547). Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là một nội dung lớn trong chính sách dân tộc của Đảng. Muốn đoàn kết thực sự phải đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc thể hiện trên nhiều mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa... Để thực hiện quyền bình đẳng một cách đầy đủ, các dân tộc cần phải phấn đấu nâng cao đời sống vật chất và văn hóa, phải giác ngộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Sự gắn bó ruột thịt ấy không chỉ thể hiện ở đường lối chính sách của Đảng mà còn thể hiện ở những hoạt động cụ thể của Hồ Chí Minh. Ở mỗi dân tộc, mỗi vùng mà Bác Hồ đã đi qua đều có những kỷ niệm thân thiết về Người. Sau hơn ba mươi năm bôn ba ở nước ngoài tìm đường cứu nước, mảnh đất mà Người đặt chân đầu tiên khi trở về Tổ quốc để chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước là một vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từ phút đầu tiên đã thể hiện một tình cảm son sắt gắn bó giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với các dân tộc thiểu số. Trong thời gian xây dựng lực lượng cách mạng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Người vẫn "áo nâu túi vải, cháo bẹ canh măng" cùng đồng bào miền núi. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc tại Hà Nội, Người thường đi thăm các tỉnh miền núi, thăm lại những bản làng đồng bào

dân tộc. Những năm tháng cuối đời, mỗi khi có đại biểu các dân tộc thiểu số về thăm thủ đô Người đều ân cần thăm hỏi.

Như lòng mẹ hiền dõi theo từng bước chân con, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn trăn trở, hướng về các dân tộc thiểu số, nhất là đồng bào ở các vùng cao, xa xôi, hẻo lánh.

Trước lúc đi xa, Người không quên căn dặn: "Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh... Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân" (Hồ Chí Minh, tập 12, 2000: 498).

Sau 30/4/1975, Việt Nam đã thống nhất một nhà, dân tộc ta đã được độc lập, tự do, điều đó đã chứng minh một cách hùng hồn chân lý đoàn kết các dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

3. BÀI HỌC VỀ ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH CHO SỰ THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MỚI

Chính từ chủ trương sáng suốt của Đảng ta, đứng đầu là Hồ Chí Minh vĩ đại, từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, cây đại đoàn kết dân tộc đã đâm hoa kết trái; các dân tộc miền xuôi, miền núi trong đại gia đình

dân tộc Việt Nam đã thực sự đoàn kết, yêu thương đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau như anh em ruột thịt, kết thành một sức mạnh vô địch. Ước mơ bao đời của các dân tộc là được độc lập, tự do, có cơm ăn, có áo mặc, được học hành đã trở thành hiện thực. So với trước đây, đó là một sự đổi đời chưa từng thấy, mặc dù cuộc sống vật chất của các dân tộc chưa phải đã hết khó khăn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam xem như vị cha thân yêu, gần gũi. Mỗi dân tộc dành một tên gọi vừa tôn nghiêm, vừa thân thiết để gọi Người. Người là Paác Hồ của đồng bào Thái, là Cống (cụ) Hồ của đồng bào Nùng, là Pe Hồ của đồng bào Dao, là Chi Lao Hồ của đồng bào Mông, là Avoóc Hồ của đồng bào Bru Vân Kiều, là Awa Hồ của đồng bào Gia Rai và Ê Đê, là Bok Hồ của đồng bào Ba Na và Xơ Đăng, là Om Hồ của đồng bào Khmer, là Wa Hồ của đồng bào Chăm... Dân tộc nào cũng dành cho Người những tình cảm đặc biệt hiếm có: vừa rất tôn kính, tin

yêu, lại vừa hồn nhiên cởi mở. Trong sâu kín tình cảm thiêng liêng của mỗi người đều in đậm hình ảnh Bác Hồ vô cùng thân thương. Mỗi dân tộc có những cách biểu hiện lòng biết ơn khác nhau. Các dân tộc ở Tây Bắc nói: “Công đức của Bác Hồ cao hơn núi chồng núi, dài hơn sông nổi sông”. Đồng bào Vân Kiều, vốn trước đây không có họ, tự nguyện lấy họ Bác Hồ làm họ chung của dân tộc mình... Với dân tộc Chăm, công ơn của Bác “như núi cao biển sâu” (*Làng Chăm ơn Bác - Amur Nhân*); và “Bác Hồ sáng mãi như la bulan (vàng trắng)” (*Những ngày văn hóa Chăm tại Hà Nội - năm 2004*).

Người đã đi xa, nhớ ơn Người, mỗi con người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam nguyện tiếp tục sự nghiệp cao cả của Người, và luôn nhắc nhớ về bài học đại đoàn kết, đoàn kết các dân tộc của Người. Đoàn kết dân tộc chính là cội nguồn sức sống mãnh liệt của dân tộc qua mấy nghìn năm lịch sử, là bí quyết để thắng lợi của dân tộc Việt Nam. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

Hồ Chí Minh. 2000. *Toàn tập* - tập 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.